

ĐI TÌM LAI LỊCH NHỮNG CỔ VẬT - VIẾT TIẾP CÂU CHUYỆN LỊCH SỬ

Trần Văn Dũng*

Trong quá trình điền dã, khảo cứu các di sản văn hóa vật thể trên địa bàn làng Thượng An, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, chúng tôi đã phát hiện tại chùa Hội Thượng (còn gọi là Niệm Phật đường An Cát) đang lưu giữ những cổ vật đồng (vạc, chuông) được đúc vào thời vua Minh Mạng (1820-1840). Hiện nay, việc lưu giữ được những cổ vật trong dân gian là điều đáng quý; nhưng việc hiện diện chiếc vạc đồng thời Nguyễn vốn được xem là biểu tượng quyền uy của triều đại, là vật tượng trưng cho cơ nghiệp thiên tử... trong ngôi chùa cổ cũng đặt ra nhiều câu hỏi cần giải đáp. Qua quá trình tìm hiểu, chúng tôi đã phát hiện ra nhiều điều lý thú về ngôi chùa cổ này.

1. Ngôi chùa cổ Hội Thượng và những cổ vật thời vua Minh Mạng



Chùa Hội Thượng

Thượng An là một ngôi làng được thành lập khá sớm, dưới thời Mạc (1527-1593) có tên là Thượng Lộ, thuộc huyện Đan Điền, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa. Trong sách *Ô Châu cận lục*, Dương Văn An cho biết làng Thượng Lộ được lập trước năm 1555, là một trong 53 làng xã của huyện Đan Điền, phủ Triệu Phong thời bấy giờ.⁽¹⁾ Danh xưng Thượng Lộ sau này đổi thành Thượng An và tồn tại cho đến ngày nay. Cũng giống như nhiều làng cổ khác ở miền Trung, làng Thượng An có chiều sâu văn hóa - lịch sử, đặc biệt nơi đây còn lưu giữ

khá nhiều công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng độc đáo; trong đó chùa làng Hội Thượng là một ví dụ cụ thể.

Về mặt lịch sử xây dựng: Cho đến bây giờ, thời điểm khởi dựng chùa Hội Thượng vẫn chưa xác định được một cách chính xác. Dựa vào dòng lạc khoản khắc trên bức hoành phi treo ở chánh điện chùa Hội Thượng: 會上寺 (Hội Thượng tự), lạc khoản bên phải (người nhìn) đề: 壬午年丙午月丙申日丙申時 正柱上樑 (Nhâm Ngọ niên Bính Ngọ nguyệt Bính Thân nhật Bính Thân thời chính trụ thượng lương-Lễ thượng lương trụ chính vào giờ Bính Thân, ngày Bính Thân, tháng Bính Ngọ, năm Nhâm Ngọ), lạc khoản bên trái (người nhìn) đề: 坐艮山坤向辛丑辛未分金 Tọa cán sơn khôn hướng Tân Sửu Tân Mùi phân kim. Nếu chỉ dựa vào thông tin dòng lạc khoản trên thì chưa đủ căn cứ để xác

* Phòng Di sản văn hóa, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thừa Thiên Huế.

định niên đại dựng chùa, bởi lẽ, có quá nhiều năm Nhâm Ngọ trong khung giới hạn nghi ngờ, xin gác lại vấn đề này để tiếp tục nghiên cứu thêm.

Là nơi sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân trong làng nên chùa Hội Thượng thường xuyên được dân làng quan tâm tu sửa, giữ gìn. Trên cây xà ngang của gian giữa chánh điện chùa Hội Thượng có khắc dòng chữ Hán: 成泰丙午十八年癸巳月癸丑日乙卯時崇修寺 (*Thành Thái Bính Ngọ thập bát niên Quý Tỵ nguyệt Quý Sửu nhật Ất Mão thời sùng tu tự* - Chùa trùng tu vào giờ Ất Mão, ngày Quý Sửu, tháng Quý Tỵ, năm Bính Ngọ, niên hiệu Thành Thái thứ 18-1906). Như vậy, chùa đã từng được trùng tu lớn vào đời vua Thành Thái thứ 18 năm Bính Ngọ (1906). Những năm gần đây, chùa vẫn được dân làng tiếp tục đầu tư kinh phí xây dựng thêm nhiều hạng mục khác nhưng không làm phá vỡ cảnh quan chùa cổ nhằm đáp ứng cho nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng của dân làng.

Một điều thú vị là các dòng chữ Hán khắc trên hoành phi và xà ngang chánh điện chùa không chỉ cho chúng ta biết rõ ngày, tháng, năm mà cả giờ tốt để tổ chức lễ động thổ trùng tu tôn tạo hoặc làm lễ thượng lương. Đây là trường hợp độc đáo, rất hiếm gặp trong các ngôi chùa ở Huế nói riêng và ở nước ta nói chung, chứng tỏ ngôi chùa thực sự là một công trình văn hóa tâm linh, được dân làng giữ gìn qua các thời kỳ lịch sử.

Về kiến trúc và lễ hội liên quan: Trong khuôn viên rộng khoảng 5.000m², chùa được xây dựng theo kiểu thức truyền thống: nhà rường ba gian hai chái, quay mặt về hướng nam. Nội thất chùa, từ bộ khung đến hệ thống liên ba, cửa bằng khoa thượng song hạ bản đều trang trí chạm nổi hình bát bửu, tứ thời, và các kiểu hoa văn tinh xảo.

Ngoài thờ Phật, thờ Quan Thánh, chùa Hội Thượng đồng thời cũng là nơi giữ gìn hòm bộ của làng Thượng An (địa bộ, sắc phong, chúc văn...). Trong những ngày đại lễ của làng, chùa là nơi diễn ra các nghi thức trang trọng nhất: lễ nghinh hòm bộ từ chùa về đình làng để tế, sau đó rước hòm bộ từ đình làng về lại chùa để thờ tự, bảo quản.

Được xây dựng khá sớm ở vùng đất Thuận Hóa, chùa Hội Thượng mang đậm dấu ấn văn hóa làng xã truyền thống Việt trong mỗi giao lưu cộng hưởng với văn hóa tín ngưỡng bản địa trên con đường mở đất về phương Nam của dân tộc. Tương truyền rằng, dưới triều Nguyễn, trong mỗi chuyến vi hành về phía đông bắc Kinh thành, vua Minh Mạng thường xuyên ghé lại chùa Hội Thượng để cầu đảo.

Về chiếc vạc và chuông đồng thời Minh Mạng tại chùa Hội Thượng: Chiếc vạc đồng lưu giữ tại chùa Hội Thượng có kích thước: đường kính miệng 93cm; cao 80cm; thuộc loại vạc 4 quai, quai vạc được đặt thấp dưới miệng vạc và tạo hình kiểu đầu rồng. Vạc có kiểu dáng hình chum, nhỏ dần về phía đáy. Thân vạc không trang trí; trên thân vạc khắc dòng chữ Hán: 明命玖年造重叁百拾柒觔 (*Minh Mạng cửu niên tạo, trọng tam bách thập thất cân* - Đúc vào niên hiệu Minh Mạng thứ 9 (1828), trọng lượng 317 cân). Qua thống kê các nguồn tư liệu và khảo sát hiện trạng vạc đồng có niên đại vua Nguyễn trên đất Huế, chúng tôi nhận thấy một điều thú vị là vạc đồng chùa Hội Thượng có hình dáng, kích thước, trang trí tương đồng, thậm chí đúc cùng năm với 2/4 chiếc vạc đồng dưới thời vua Minh Mạng, hiện đang trưng bày trước sân điện Hòa Khiêm, lăng vua Tự Đức.⁽²⁾



Vạc đồng tại lăng vua Tự Đức

Vạc đồng tại chùa Hội Thượng

Như vậy, vạc đồng chùa Hội Thượng có nguồn gốc từ cung đình Huế. Còn lý do tại sao nó có mặt trong ngôi chùa cổ vẫn là câu hỏi cần sự hỗ trợ của nhiều nguồn thông tin khác nhau; trong đó, các di vật hiện tồn trong ngôi chùa Hội Thượng là điểm mấu chốt.



Chuông chùa Hội Thượng

Tại chùa Hội Thượng còn lưu giữ một chiếc đại hồng chung quý. Kết quả khảo sát cho thấy, quai chuông tạo dáng hình hai con rồng đấu lưng nhau tạo thành hình vòng cung. Hai đầu rồng đối xứng, miệng rồng ngậm ngọc, mũi to và hếch, mắt tròn có lông mày tạo dài dài. Chân và thân rồng nhiều vảy. Thân chuông hình trụ đứng, vai vuông cao, miệng loe rộng. Thân được chia ô bởi các đường chỉ nổi, bốn núm gỗ (vú chuông) tương ứng với 4 mặt đông-tây-nam-bắc, ghi 4 mùa xuân-hạ-thu-đông, với mục đích xoay chuyển vị trí sau mỗi mùa để bảo vệ chuông không bị hỏng và âm thanh được đều. Thân chuông trang trí hoa văn cách điệu, nét chữ Hán trên chuông còn khá rõ. Chuông có tổng chiều cao (tính từ miệng chuông lên đến quai chuông) là 1m, nếu không tính quai chuông thì toàn bộ thân cao 0,8m, chu vi thân chuông, đoạn giữa thân đo được 1,33m, chu vi gần miệng chuông là 1,64m. Trên thân chuông có văn tự khắc bằng chữ Hán: 明命柒年歲次丙戌仲秋穀日造. 重貳百貳拾觔. 會主武庫僉事弘德侯陳文弘 (Minh Mạng thất niên tuế thứ Bính Tuất trọng thu cốc nhật tạo, trọng nhị bách nhị thập cân. Hội chủ Vũ khố Thiêm sự Hoàng Đức hầu

Trần Văn Hoàng - Chuông đúc vào mùa thu năm Bính Tuất, niên hiệu Minh Mạng thứ 7 (1826), trọng lượng 220 cân. Hội chủ là Trần Văn Hoàng, chức Vũ khố Thiêm sự, tước Hoàng Đức hầu).

Như vậy, có thể hiểu đại hồng chung tại chùa Hội Thượng là do vị Vũ khố Thiêm sự tên là Trần Văn Hoàng, tước Hoàng Đức hầu đứng ra làm Hội chủ

vận động dân làng đúc chuông vào mùa thu năm Bính Tuất, niên hiệu Minh Mạng thứ 7 (1826). Vậy nhân vật Vũ khố Thiêm sự Trần Văn Hoàng có mối liên hệ thế nào với chùa Hội Thượng?

2. Đi tìm lai lịch những cổ vật và câu chuyện lịch sử

Về chiếc vạc đồng thời vua Minh Mạng, theo lời kể của các vị cao niên làng Thượng An, chiếc vạc đồng này đã được dân làng gìn giữ cẩn thận gần 200 năm. Trước đây, do sợ thực dân Pháp trưng thu vạc đồng để đúc súng đạn (?), nên các vị bô lão trong làng quyết định đào một cái hố gần chùa Hội Thượng để chôn giấu vạc đồng. Nhiều đời sau đó, vị trí chôn vạc đồng dần bị lãng quên, số người biết đến câu chuyện chôn vạc đồng cũng thưa dần rồi mất hẳn. Vào khoảng năm 1950, khi dân làng Thượng An tiến hành đào mương thủy lợi ở khu vực gần khuôn viên chùa Hội Thượng bỗng phát hiện một vật lạ ẩn dưới lớp bùn lầy và phát hiện ra chiếc vạc đồng lớn. Dân làng quyết định đặt chiếc vạc đồng vào vị trí trang trọng trong khuôn viên chùa Hội Thượng và cùng nhau giữ gìn cho đến tận ngày nay.

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, kể từ khi chiếc vạc đồng được dân làng Thượng An tìm lại, câu chuyện về lai lịch chiếc vạc đồng thời vua Minh Mạng có mặt trong làng vẫn mang tính huyền thoại, truyền khẩu trong chốn dân gian. Căn cứ tư liệu điền dã kết hợp với tư liệu thành văn, chúng tôi đưa ra hai kịch bản lý giải về nguồn gốc hiện diện chiếc vạc đồng tại chùa Hội Thượng như sau:

Kịch bản thứ nhất, do một cảnh huống lịch sử nào đó mà chiếc vạc đồng bị lưu lạc đến làng Thượng An và được nhân dân địa phương lưu giữ trong chùa làng. Dựa vào các tài liệu lịch sử vùng đất cố đô Huế, chúng ta có thể ngờ rằng sự kiện ngày 05/7/1885, khi quân Pháp đánh chiếm Kinh thành Huế, giữa lúc vua Hàm Nghi và hoàng gia xuất bôn ra Quảng Trị, rồi ra Hà Tĩnh, thì quân Pháp tràn vào cướp bóc tất cả đồ đạc quý giá đang trưng bày và thờ tự trong các cung điện ở Đại Nội. Trong hoàn cảnh này, chiếc vạc đồng có thể đã lưu lạc đến làng Thượng An và được dân làng xem như báu vật của làng. Sau đó, chiếc vạc đồng được người dân đưa vào trưng bày ở chùa Hội Thượng vốn là nơi sinh hoạt chung của cả cộng đồng.

Kịch bản thứ hai, chiếc vạc đồng là quà tặng của triều đình Huế dành cho chùa Hội Thượng (làng Thượng An). Theo lời kể của nhiều vị cao niên trong làng, trước đây chùa Hội Thượng là một danh thắng đẹp nổi tiếng, cầu đảo linh ứng nên có lần vua Minh Mạng đã chọn một ngày tốt dịp đầu năm, cùng các quan đại thần đến chùa Hội Thượng lễ Phật, cầu cho dân chúng no ấm, đất nước thái bình... Hẳn nhiên, nếu có sự kiện đó thực thì việc vua Minh Mạng ra lệnh cho đúc một chiếc vạc đồng để tặng chùa Hội Thượng làm minh khí trưng bày để vừa bày tỏ lòng tôn kính Phật pháp vừa thể hiện quyền năng của vương triều là điều rất có thể xảy ra; bởi trong lịch sử triều Nguyễn đã từng có sự kiện triều đình ban tặng chiếc đỉnh đồng lớn đúc từ thời vua Minh Mạng cho phủ Kiên Thái Vương vào năm 1888.⁽³⁾

Về nhân vật Trần Văn Hoàng, tại chùa Hội Thượng có thờ bài vị mang tên ông. Bài vị ghi rõ: “武庫僉事弘德侯陳貴公府君神位” (*Vũ khố Thiêm sự Hoàng Đức hầu Trần quý công phủ quân thần vị* - Bài vị của ngài họ Trần, chức quan Vũ khố Thiêm sự, tước Hoàng Đức hầu).

Từ xưa đến nay, bất kỳ một nhân vật nào đã được cả cộng đồng làng xã tôn vinh, thờ cúng thì chắc chắn đã có công lao to lớn với cộng đồng ấy. Có thể là công lao khai canh, khai khẩn, dạy dân nghề nghiệp mưu sinh, hoặc đơn giản là có công đức xây dựng các công trình công cộng hoặc công trình tôn giáo, tín ngưỡng cho cả cộng đồng... Vậy phải chăng, ngài Trần Văn Hoàng là vị quan lớn quyền mộ đạo Phật, có tiền của nên đã có nhiều đóng góp trùng tu chùa, đúc chuông cho chùa Hội Thượng. Có lẽ nhờ vậy mà danh tước ngài Trần Văn Hoàng được chùa Hội Thượng thờ tự và hồng chung khắc ghi.

Sách *Đại Nam thực lục* có chép một số sự kiện lịch sử liên quan đến vị Vũ khố Thiêm sự Hoàng Đức hầu Trần Văn Hoàng như sau: Gia Long năm thứ 15 (1816), ông được cử làm Cai bạ Nhà đồ Bắc thành. Một thời gian sau, ông được thăng dần lên chức Lang trung Vũ khố. Năm Minh Mạng thứ 5 (1824), ông được cử trông coi việc ở Tào tác cục. Trong khoảng thời gian làm nhiệm vụ này, Trần Văn Hoàng được xem là người có công trong việc phát triển Cục Tào tác ở Bắc thành.⁽⁴⁾ *Châu bản triều Nguyễn* có đoạn chép bản kiến nghị của Trần Văn Hoàng về việc nâng cao đời sống cho lính thợ biên chế tại Cục Tào tác ở Bắc thành: “*Tổng trấn Bắc thành Lê Tông Chất kính tâu: Trần Văn Hoàng ở Cục Tào tác trình rằng: Vào năm Gia Long thứ 2, số lính thợ giỏi có 200 người, phiên chế thành 4 đội 1, 2, 3, 4 mỗi đội 50 người chia cử canh giữ ở các kho trong cục để vâng lệnh sai phái thi hành công vụ. Đến nay chỉ còn thực số 120 người chia canh giữ các kho trong cục. Nay số lính ấy đều tâu rằng công việc nhiều mà từ trước đến nay chưa được cấp lương. Chúng thần trộm nghĩ, số lính ấy là lính thợ giỏi, hiện nay chỉ còn 120 người trực ở Cục Tào tác phân chia đi thi hành công vụ, vốn không có lương. Kính nghĩ số lính thợ này, mỗi người mỗi tháng nên cấp tiền lương là 5 mạch, gạo 1 phương để nuôi họ thi hành công vụ. Phụng chỉ: 80 người trực ban, mỗi người, mỗi tháng cấp 1 phương gạo.*”⁽⁵⁾

Năm Minh Mạng thứ 6 (1825), ông được thăng chức Thiêm sự Vũ khố. Đây là cơ quan cất giữ bảo quản các loại vũ khí, vật liệu của triều đình với nhiều kho tàng lớn nằm bên trong Kinh thành Huế. Năm Minh Mạng thứ 7 (1826), ông được giữ chức Hộ lý án quan phòng Vũ khố... Vào thời điểm này, Trần Văn Hoàng đã đứng ra làm hội chủ vận động dân làng đúc đại hồng chung cúng dường Tam bảo tại chùa Hội Thượng. Tiếp đến năm 1827, vua Minh Mạng ban thưởng cho Trần Văn Hoàng vì đã có công trong việc trông coi đúc kim bảo, ngọc tỷ. Sách *Đại Nam thực lục* chép sự kiện này khá rõ: “*Bắt đầu đúc ấn “Hoàng đế tôn thân” (vuông 3 tắc 2 phân, dày 3 phân 6 ly), ấn “Sắc mệnh chi bảo” (vuông 3 tắc 2 phân, dày 3 phân 2 ly), đều núm hình rồng cuốn, ấn “Khâm văn chi tỷ”, ấn “Duệ võ chi tỷ” (đều vuông 2 tắc 7 phân, dày 3 phân 2 ly). Lại đúc lại ấn “Trị lịch minh thời” (vuông 2 tắc 8 phân, dày 3 phân 2 ly), đều núm hình rồng ngồi. Dùng vàng mười mà đúc. Sai Bộ Lễ hội đồng với Nội vụ và Vũ khố coi việc đúc ấn. Đúc xong, buộc ấn bằng dây tơ vàng, thưởng cho thợ đúc 30 lạng bạc; bọn chuyên biện là giám lâm Vũ khố Trần Văn Hoàng, Nguyễn Đăng Uẩn đều được thưởng một thứ kỷ lục.*”⁽⁶⁾

Năm Minh Mạng thứ 9 (1828), ông được điều chuyển sang làm Lang trung Nội vụ phủ. Đây là cơ quan quản lý việc chế tác và cất giữ những bảo vật, vật dụng của hoàng cung. Liên hệ đến chiếc vạc đồng chùa Hội Thượng, chúng ta có thể suy đoán vào thời gian này với cương vị là quan Lang trung Nội vụ phủ, ông đã có tác động đáng kể đến việc vua Minh Mạng ban tặng chiếc vạc đồng cho chùa Hội Thượng.

Năm Minh Mạng thứ 10 (1829), ông được vinh thăng Thị lang Nội vụ phủ,⁽⁷⁾ mang hàm Chánh tam phẩm văn ban, đứng đầu Nội vụ phủ. Trần Văn Hoàng được tiến cử giữ chức vụ này chứng tỏ ông là người có tài và đức hạnh nên được nhà vua và triều đình tin dùng. Nhưng một điều đáng tiếc là đến tháng 7/1829, do ông quản lý thuộc hạ phụ trách cất giữ gương đồng ở kho Nội vụ phủ không tốt dẫn đến sự cố có nhiều vết mờ trên gương đồng của vua Minh Mạng mua từ nước Pháp. Do vậy, Bộ Hình đưa ra xét xử vụ án và sau đó tuyên án ông vào tội đồ.⁽⁸⁾ Vụ án tâu lên, vua Minh Mạng gia ân giảm xuống cách chức, phát vãng làm binh ở cơ Định Man đạo Cam Lộ.⁽⁹⁾

Như vậy, chức tước của ngài Trần Văn Hoàng được ghi trên bài vị và khắc trên chuông chùa Hội Thượng trùng khớp với các sự kiện lịch sử mô tả rất rõ ràng trong chính sử. Ông là người có nhiều công lao và đóng góp lớn cho chùa Hội Thượng nên sau khi ông mất, các tộc trưởng của làng Hội Thượng đã quyết định thờ phụng bài vị Trần Văn Hoàng một cách trang trọng phía sau hậu điện của chùa.

3. Lời tạm kết

Chùa cổ Hội Thượng là một nguồn tư liệu vật chất, một dấu ấn văn hóa góp phần vào việc nghiên cứu lịch sử hình thành phong cách kiến trúc chùa làng xứ Huế trong dặm dài của kiến trúc Phật giáo Việt Nam. Cùng với hệ thống di tích lịch sử văn hóa, kiến trúc nghệ thuật trên địa bàn huyện Phong Điền góp phần làm đa dạng và phong phú cho hệ thống di sản văn hóa vật thể - những chứng tích vật chất và tinh thần phản ánh sinh động về đời sống, phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng cũng như lịch sử phát triển và bề dày văn hóa của cộng đồng cư dân trên vùng đất Phong Điền nói riêng và tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung.

Nếu như xảy ra kịch bản vua Minh Mạng ban tặng chiếc vạc đồng cho chùa Hội Thượng thì ý nghĩa vật thể và phi vật thể của vạc đồng sẽ tăng lên bội phần, chứ không phải là một cổ vật đơn thuần. Chuông đồng là hiện vật gốc, độc đáo, gắn liền với chùa Hội Thượng. Hiện vật phản ánh đặc trưng Phật giáo, đồng thời minh văn trên đó là sử liệu quý, giúp cho việc nghiên cứu lịch sử chùa giai đoạn đó. Cổ vật vạc đồng và chuông đồng góp phần quan trọng làm tăng thêm các giá trị văn hóa, lịch sử của chùa Hội Thượng trong lịch sử Phật giáo xứ Huế, nhưng cũng đặt ra vấn đề cần phải bảo vệ, giữ gìn nó thật cẩn thận cho đời nay và cho mai sau. Qua việc phát hiện vạc và chuông đồng chùa Hội Thượng minh chứng một điều rằng: Do có mối quan hệ với vua quan, hoàng thân quốc thích triều Nguyễn nên hầu hết các ngôi chùa cổ ở Huế ít nhiều đều bảo quản, lưu giữ nhiều cổ vật, pháp khí, pháp tượng có giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật trở thành một kho tàng vô giá về văn hóa của Phật giáo Thuận Hóa.

Còn số phận Trần Văn Hoàng cũng rất lạ kỳ, dân làng Hội Thượng thờ bài vị Trần Văn Hoàng tại chùa, danh tính ông khắc trên chuông đồng nhưng người dân trong làng không còn một ai biết bất kỳ một thông tin nào, dù là ít ỏi nhất về cuộc đời và hành trạng, đặc biệt là ngôi mộ của ông. Đây cũng là một bí ẩn của lịch sử cần được giải mã. Hy vọng trong thời gian tới, cuộc đời và sự nghiệp của Trần Văn Hoàng sẽ được tiếp tục nghiên cứu sâu hơn để góp phần làm sáng tỏ vai trò của ông đối với sự hưng thịnh của chùa Hội Thượng trong lịch sử dưới triều Nguyễn.

Vạc và chuông đồng tại chùa Hội Thượng là một hiện vật quý cần được bảo tồn và phát huy giá trị. Đây là cổ vật có giá trị về mỹ thuật, kỹ thuật và văn hóa lịch sử. Nếu tính thêm chiếc vạc đồng vừa mới phát hiện tại chùa Hội Thượng thì cho phép chúng ta có thể khẳng định rằng tại đất cố đô Huế hiện nay vẫn còn lưu giữ được 16 chiếc vạc đồng độc đáo. Tất cả những chiếc vạc đồng này đều là cổ vật có giá trị, là biểu trưng một thời cho sự hưng thịnh và phát triển của triều Nguyễn. Mỗi chiếc vạc đồng là một tác phẩm nghệ thuật, thể hiện trình độ kỹ thuật và mỹ thuật tuyệt vời của người thợ đúc đồng xứ Huế. Do trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử, cổ vật triều Nguyễn đã bị thất lạc nhiều trong dân gian hoặc đã bị đưa ra nước ngoài, trong đó có không ít những bảo vật vô giá. Chắc chắn là ngày xưa, Huế không chỉ có chừng ấy vạc đồng, mà có thể còn nhiều hơn thế. Nhưng dù sao, với số lượng 16 chiếc vạc đồng còn lại, Huế cũng có thể tự hào là nơi sở hữu số báu vật thuộc loại này phong phú nhất.

T V D

CHÚ THÍCH

- (1) Vô danh thị, *Ô Châu cận lục*, Dương Văn An nhuận sắc tập thành, Bùi Lương dịch, Văn hóa Á châu xuất bản, 1961, tr. 40.
- (2) Cụ thể, chiếc vạc đồng thứ nhất được đúc vào năm 1825, nặng 430 cân; chiếc vạc đồng thứ hai cũng được đúc cùng năm với chiếc thứ nhất, nặng 435 cân; chiếc vạc đồng thứ 3 đúc vào năm 1828, nặng 352 cân; chiếc vạc đồng thứ 4 được đúc cùng năm với chiếc thứ 3, nặng 399 cân.
- (3) Hiện chiếc đỉnh đồng này vẫn còn tại phủ Kiên Thái Vương (số 179 Phan Đình Phùng, thành phố Huế).
- (4) Lược chép từ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 315-720.
- (5) Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, *Mục lục Châu bản triều Nguyễn*, Tập 1, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2010, tr. 1.015- 1.016.
- (6) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 820.
- (7) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 826.
- (8) Một trong 5 hình phạt thời Nguyễn gọi là ngũ hình: Xuy (đánh bằng roi), trượng (đánh bằng gậy), đồ, lưu (đày đi xa), tử. Đồ là hình phạt bắt làm nô (nô lệ, đầy tớ) tại dinh phủ các đại thần hoặc làm việc khổ sai ở những chỗ nặng nhọc, từ 1 đến 3 năm, tùy tội nặng nhẹ. Người bị khép vào tội đồ thường kèm theo hình phạt trượng.
- (9) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 871.

TÓM TẮT

Bài viết giới thiệu việc phát hiện chiếc vạc đồng và chuông đồng trong một chuyến đi dã tại chùa Hội Thượng (thuộc làng Thượng An, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế). Đây là những cổ vật quý mang một ý nghĩa quan trọng, truyền tải những thông điệp lịch sử, do vậy cần được bảo tồn và phát huy giá trị. Đặc biệt tính cả chiếc vạc đồng này, tại cố đô Huế hiện nay còn lưu giữ được tổng cộng 16 chiếc. Đó đều là bảo vật của Huế, là những tuyệt tác, thể hiện kỹ xảo của người thợ đúc đồng xứ Huế.

ABSTRACT

IN SEARCH OF ANTIQUITIES' ORIGIN - GOING ON WRITING THE HISTORICAL STORY

The article is about the discovery of a bronze bell and cauldron in a field trip at Hội Thượng Pagoda (Thượng An Village, Phong An Commune, Phong Điền District, Thừa Thiên Huế Province). These are the precious antiquities of great significance, conveying historical messages, so they need to be preserved and their values should be promoted. Especially, plus this cauldron, there are 16 bronze cauldrons being preserved in Huế ancient capital. All of them are treasures of Huế showing the skills of bronze casters in Huế ancient capital.